UỶ BAN NHÂN DÂN **HUYỆN TỨ KỲ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2847 /QĐ-UBND	*Tứ Kỳ, ngày 29 tháng 7 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Cộng Lạc, huyện Tứ Kỳ đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 25/2017/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2017 của UBND tỉnh Hải Dương Quy định phân cấp quản lý quy hoạch xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng, quản lý hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2018 của UBND tỉnh Hải Dương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định phân cấp quản lý quy hoạch xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng, quản lý hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Hải Dương ban hành kèm theo Quyết định số 25/2017/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2017 của UBND tỉnh Hải Dương;

Căn cứ Quyết định số 2787/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tứ Kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện tại Tờ trình số 161/TTr-KT&HT ngày 13 tháng 7 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Cộng Lạc, huyện Tứ Kỳ đến năm 2030 *(Hồ sơ do Trung tâm Quy hoạch đô thị và nông thôn lập, Phòng*

Kinh tế và Hạ tầng huyện thẩm định, trình duyệt) với nội dung chính sau:

I. Hồ sơ:

- Tên gọi: Quy hoạch chung xây dựng xã Cộng Lạc, huyện Tứ Kỳ đến năm 2030;

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Uỷ ban nhân dân xã Cộng Lạc, huyện Tứ Kỳ;

- Cơ quan tư vấn lập quy hoạch: Trung tâm Quy hoạch đô thị và nông thôn - Sở Xây dựng tỉnh Hải Dương;

- Hồ sơ gồm: 08 bản vẽ quy hoạch, Thuyết minh tổng hợp, Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch và các văn bản kèm theo.

II. Nội dung của đồ án quy hoạch:

1. Vị trí, quy mô quy hoạch

Xã Cộng Lạc nằm phía Đông Nam huyện Tứ Kỳ; vị trí, ranh giới có tiếp giáp, cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp xã An Thanh;

- Phía Nam giáp xã Tiên Động;

- Phía Đông giáp xã Quang Trung;

- Phía Tây giáp xã Văn Tố và xã Phượng Kỳ.

Phạm vi khu vực lập quy hoạch là toàn bộ địa giới hành chính của xã Cộng Lạc, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Tổng diện tích khu vực lập quy hoạch: 570,72ha; bao gồm 05 thôn: Tất Thượng, Tất Hạ, Đôn Giáo, Hàm Hy và Bình Hàn.

2. Mục tiêu của đồ án

- Cụ thể hóa Quy hoạch vùng huyện Tứ Kỳ đến năm 2030, định hướng đến năm 2050;

- Xây dựng và phát triển xã Cộng Lạc đạt tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, góp phần vào sự phát triển chung của huyện Tứ Kỳ;

- Xây dựng xã Cộng Lạc phát triển bền vững; có sức hấp dẫn lớn về môi trường đầu tư, có tính cạnh tranh cao trên một số lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp sạch; phát triển bền vững hài hòa với môi trường; giữ vai trò tạo động lực phát triển kinh tế xã hội của vùng phía Đông Nam huyện Tứ Kỳ;

- Định hướng tổ chức hệ thống trung tâm xã; xác định quy mô dân số, tính chất, nhu cầu đất ở cho các khu dân cư mới;

- Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng, dịch vụ. Xác định vị trí, quy mô, định hướng kiến trúc cho các công trình công cộng, dịch vụ cấp xã, cấp thôn;

- Định hướng tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc khu dân cư mới và các thôn cũ. Xác định các chỉ tiêu quy hoạch, định hướng kiến trúc cho từng loại hình phù hợp với đặc điểm của địa phương;

- Định hướng tổ chức các khu vực phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại tập trung; khu vực phát triển nông nghiệp và phục vụ sản xuất nông nghiệp;

- Định hướng tổ chức các khu chức năng đặc thù trên địa bàn xã;

- Làm cơ sở, tạo hiệu quả sử dụng quỹ đất để thu hút đầu tư xây dựng phát triển khu dân cư và triển khai lập quy hoạch chi tiết xây dựng;

- Tăng cường quản lý, thu hút đầu tư; tạo nguồn nhân lực; xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội hoàn chỉnh đồng bộ và hiện đại;

- Làm cơ sở pháp lý để quản lý xây dựng theo quy hoạch, quản lý kết nối các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn, tạo tiền đề để triển khai các dự án khả thi, tiền khả thi.

3. Quy mô dân số

- Dân số hiện trạng xã Cộng Lạc là 6.092 người; cư trú tại các thôn: Tất Thượng, Tất Hạ, Đôn Giáo, Hàm Hy và Bình Hàn, phân bố khá đồng đều trên toàn bộ diện tích hành chính của xã;

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên được xác định 1,0%. Dự báo tăng dân số tự nhiên, tăng cơ học và quy đổi cụ thể:

+ Dự báo tăng dân số cơ học đến năm 2030 là: 2.000 người;

+ Dự báo tăng dân số tự nhiên đến năm 2030 là: 571 người.

- Đến năm 2030, tổng quy mô dân số ước đạt: 8.663 người.

4. Quy hoạch không gian

Trên cơ sở các số liệu khảo sát, đánh giá hiện trạng và rà soát quy hoạch vùng huyện Tứ Kỳ, dựa trên nhu cầu thực tế đề xuất cơ cấu tổ chức không gian quy hoạch như sau:

- Xã Cộng Lạc phát triển chủ yếu dọc theo tuyến đường Tỉnh 391 và tuyến đường trục xã, từ đó phát triển ra, với các khu chức năng gồm: Hành chính, công cộng, giáo dục, dân cư mới, công nghiệp và dịch vụ;

- Hình thành trục cảnh quan trung tâm làm điểm nhấn toàn xã; trong đó sử dụng tuyến đường Tỉnh 391 là trục dẫn hướng cảnh quan;

- Hệ thống giao thông: Quy hoạch mới tuyến đường Tỉnh 396 *(trục Đông - Tây)* từ thôn Tân Hợp, xã Phượng Kỳ đấu nối với đường Tỉnh 391 tại Km24+600 thuộc địa phận xã Cộng Lạc và đi xã An Thanh; tuyến đường Tỉnh 391 hiện có đi thị trấn Tứ Kỳ và đi xã Nguyên Giáp, được xác định là các tuyến đường đối ngoại kết nối liên vùng tạo động lực cho xã Cộng Lạc phát triển kinh tế xã hội trong thời gian tới. Cải tạo, mở rộng các trục đường xã, các tuyến đường trục thôn, xóm. Các khu hạ tầng kỹ thuật bố trí đảm bảo an toàn, hợp vệ sinh môi trường;

- Các không gian trống, khu công viên cây xanh thể dục thể thao đan xen trong các khu dân cư tạo thuận lợi về giao lưu văn hoá, sinh hoạt cộng đồng dân cư;

- Các khu vực chức năng khác vẫn giữ nguyên và là nguồn đất dự trữ cho phát triển sau này.

5. Phân khu chức năng và quy hoạch sử dụng đất

a) Quy hoạch tổng thể phân khu chức năng gồm: Đất nông nghiệp; đất ở; đất chuyên dùng; đất cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng; đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ; đất sông, ngòi, kênh rạch; đất bằng chưa sử dụng.

b) Quy hoạch sử dụng đất:

Trên cơ sở quy hoạch tổng thể phân khu chức năng; các chỉ tiêu sử dụng đất được xác định theo bảng sau:

Bảng cơ cấu sử dụng đất

TT	Hạng mục	Hiện trạng	Tăng giảm	Quy hoạch	Tỷ lệ
		ha	*ha*	*ha*	*%*
	Tổng diện tích tự nhiên	**570,72**	**0,00**	**570,72**	**100,00**
I	**Đất nông nghiệp**	**400,35**	**-50,23**	**350,12**	**61,35**
1	Đất trồng cây hàng năm	234,30	-0,34	233,96	40,99
1.1	*Đất trồng lúa*	*210,45*	*8,97*	*219,42*	*38,45*
1.2	*Đất trồng cây hàng năm khác*	*23,85*	*-9,31*	*14,54*	*2,55*
2	Đất trồng cây lâu năm	*120,69*	-33,09	87,60	15,35
3	Đất nuôi trồng thuỷ sản	45,35	-16,79	28,56	5,00
II	**Đất phi nông nghiệp**	**170,14**	**50,46**	**220,60**	38,65
1	Đất ở	37,80	29,33	67,13	11,76
2	Đất chuyên dùng	88,34	17,78	106,12	18,59
2.1	*Đất xây dựng trụ sở cơ quan*	*0,31*	*0,08*	*0,39*	*0,07*
2.2	*Đất an ninh*	*0,00*	*0,15*	*0,15*	*0,03*
2.3	*Đất xây dựng công trình sự nghiệp*	*3,16*	*1,86*	*5,02*	*0,88*
	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	*0,16*	*0,62*	*0,78*	
	Đất xây dựng cơ sở y tế	*0,10*	*0,06*	*0,16*	
	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	*2,90*	*-0,34*	*2,56*	
	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	*0,00*	*1,52*	*1,52*	
2.4	*Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp*	*14,62*	*4,53*	*19,15*	*3,36*
	Đất thương mại, dịch vụ	*0,09*	*5,85*	*5,94*	
	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	*14,53*	*-1,32*	*13,21*	
2.5	*Đất có mục đích công cộng*	*70,26*	*11,16*	*81,42*	*14,27*
	Đất giao thông	41,29	*12,11*	*53,40*	
	Đất thuỷ lợi	26,91	*-2,15*	*24,76*	
	Đất công trình năng lượng	0,14	*0*	*0,14*	
	Đất chợ	1,50	*-0,47*	*1,03*	
	Đất công trình công cộng khác	*0,00*	*0,29*	*0,29*	
	Đất bãi thải, xử lý chất thải	*0,42*	*1,38*	*1,80*	
3	Đất cơ sở tôn giáo	0,78	0,00	0,78	0,14
4	Đất cơ sở tín ngưỡng	0,11	0,00	0,11	0,02

TT	Hạng mục	Hiện trạng	Tăng giảm	Quy hoạch	Tỷ lệ
		ha	*ha*	*ha*	*%*
5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ	5,69	3,35	9,04	1,58
6	Đất sông, ngòi, kênh rạch	37,42	0,00	37,42	6,56
III	**Đất chưa sử dụng**	**0,23**	**-0,23**	**0,00**	**0,00**
1	Đất bằng chưa sử dụng	0,23	-0,23	0,00	0,00

6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

6.1. Quy hoạch độ cao:

Trên cơ sở cao độ của các tuyến đường trục xã và cao độ nền các lô đất trong các khu dân cư mới, khu trung tâm và các thôn hiện trạng, lựa chọn quy hoạch cao độ và độ dốc san nền như sau:

- Cốt cao độ trung bình các thôn hiện có từ: +2,05m đến +2,50m;

- Cao độ các tuyến đường giao thông thấp nhất: +2,40m, cao độ cao nhất +2,80m;

- Độ dốc san nền: Đảm bảo thoát nước tự chảy i= 2%.

6.2. Giao thông:

a) Giải pháp thiết kế:

- Hệ thống giao thông được tổ chức liên hoàn thuận tiện, bám sát địa hình tự nhiên, dọc theo các tuyến đường tổ chức hệ thống cây xanh cảnh quan, tạo bóng mát và không gian cảnh quan đẹp cho các tuyến đường;

- Các chỉ tiêu kỹ thuật của hệ thống giao thông nội bộ được thiết kế hợp lý để phục vụ việc đi lại của nhân dân và các phương tiện tham gia giao thông một cách dễ dàng, thuận tiện;

- Đảm bảo thuận lợi cho bố trí hệ thống hạ tầng kỹ thuật dọc tuyến đường;

- Tận dụng tối đa hiện trạng, tránh phá dỡ nhiều công trình dân cư cũng như các cơ quan trong khu vực;

- Thiết kế quy hoạch giao thông đảm bảo các yêu cầu về kinh tế, kỹ thuật, tiêu chuẩn quy phạm, mỹ quan đô thị.

b) Quy mô thiết kế

- Giao thông đối ngoại của xã có:

+ Quy hoạch tuyến đường Tỉnh 396 *(trục Đông - Tây)* đi qua địa bàn xã có chỉ giới đường đỏ là 45,0m: Mặt cắt đường 16,5m (MC 1-1). Riêng đoạn đi qua khu dân cư mới có chỉ giới đường đỏ là 70,0m (MC 1*-1*);

+ Đường Tỉnh 391 có chỉ giới đường đỏ là 45,0m: Mặt cắt đường 12,0m; hành lang mỗi bên là 16,5m (MC 1-1).

- Các tuyến đường trục xã, trục thôn, đường khu vực:

+ Quy hoạch mở rộng tuyến đường trục xã: Tuyến đường kết nối từ đường Tỉnh lộ 391 đi thôn Hàm Hy và thôn Bình Hàn, mở rộng mặt đường 7,5m, vỉa hè

mỗi bên 3,0m (MC 2-2). Tuyến đường kết nối từ đường Tỉnh 391 đi thôn Tất Thượng và thôn Tất Hạ đấu nối với đê sông Cầu Xe; mở rộng mặt đường 7,5m, vỉa hè mỗi bên 3,0m (MC 2-2);

+ Quy hoạch mới tuyến đường xã kết nối từ thôn Hàm Hy đến đường Tỉnh 396 thuộc địa phận xã An Thanh, quy mô mặt cắt đường 7,5m, vỉa hè mỗi bên 3m (MC 2-2);

+ Quy hoạch mới tuyến đường tại khu dân cư mới thôn Tất Thượng mặt đường 7,5m, vỉa hè mỗi bên 5,0m (MC 1A-1A). Quy hoạch mở rộng tuyến đường đê sông Cầu Xe mặt đường 5,5m, lề đường mỗi bên 1,0m (MC 5-5). Mở rộng các tuyến đường thôn, quy mô mặt cắt đường 5,5m, lề đường mỗi bên 1,0m (MC 3-3).

- Đường ra đồng: Mở rộng lòng đường 5,5m, lề mỗi bên 1,0m (MC 4-4).

6.3. Hệ thống cấp điện:

a) Nhu cầu sử dụng điện

- Dự báo phụ tải điện sinh hoạt: 3.037,7 kVA;

- Nhu cầu cấp điện phục vụ khác (=30% điện sinh hoạt) = 911,31 kVA;

Tổng nhu cầu sử dụng điện toàn xã đến năm 2030: 3.949,01kVA.

b) Nguồn điện

- Nguồn điện trung áp lấy tại nhánh 35kV lộ 172-E8.19 từ trạm biến áp 110kV Nguyên Giáp;

- Đường dây hạ thế được bố trí đến các hộ gia đình của các thôn, xóm; đảm bảo cung cấp cho 100% số hộ trong xã được sử dụng điện;

- Hiện xã có 09 trạm biến áp, với tổng công suất 3.150 kVA.

c) Phương án cấp điện

- Đường dây 35KV: Toàn bộ đường dây trung thế truyền tải điện đến các trạm biến áp của xã đi nổi trên cột;

- Đường dây hạ thế và chiếu sáng:

+ Mạng lưới điện hạ thế đi nổi trên cột chạy dọc theo các tuyến giao thông đến các khu dân cư. Sử dụng cột điện bê tông li tâm cao 8,5m ÷ 10,5m;

+ Kết cấu lưới điện hạ thế 0,4KV theo mạng hình tia;

+ Bố trí chiếu sáng các đoạn đường trục chính có mặt cắt đường từ 4m trở lên;

+ Tuyến chiếu sáng trong các khu dân cư cũ bố trí đi nổi, kết hợp với cấp điện hạ thế;

+ Tại các khu dân cư mới hình thành, điện hạ thế và chiếu sáng đi ngầm vỉa hè đường, đảm bảo mỹ quan.

d) Quy mô trạm biến áp phục vụ cấp điện

Dự kiến đến năm 2030 trên địa bàn xã giữ nguyên 09 trạm biến áp và nâng cấp công xuất một số trạm biến áp để đảm bảo nhu cầu dùng điện đến năm 2030. Quy mô trạm biến áp phục vụ cấp điện theo bảng sau:

TT	Trạm biến áp	Cấp điện áp (KV)	Công Suất (KVA)	Công suất nâng cấp (KVA)
1	TBA Đôn Giáo	35/0,4	180	320
2	TBA Đôn Giáo 2	35/0,4	320	400
3	TBA Tất Thượng	35/0,4	320	630
4	TBA Tất Hạ	35/0,4	320	320
5	TBA trạm bơm Cộng Lạc	35/0,4	180	320
6	TBA trạm bơm Hàm Hy	35/0,4	320	320
7	TBA Hàm Hy	35/0,4	320	560
8	TBA Hòa Bình	35/0,4	560	560
9	TBA Phú Mỹ 2	35/0,4	630	630
Tổng công suất (KVA)			**3.150**	**4.060**
Tổng công suất tính toán (KVA)			**3.949,01**	

6.4. Hệ thống cấp nước

a) Xác định mục đích sử dụng nước:

- Nước cấp cho sinh hoạt; nước phục vụ công cộng, dịch vụ; nước thất thoát;

- Tổng nhu cầu sử dụng nước đến năm 2030 là 1.512,0 (m^3/ng.đ)

b) Quy hoạch hệ thống cấp nước:

- Sử dụng nguồn nước sạch của trạm cấp nước tại xã Tiên Động;

- Hệ thống đường ống cấp nước các trục chính có đường kính Φ110 mm; các trục nhánh có đường kính từ Φ63 mm;

- Thiết kế hệ thống cấp nước chữa cháy cho khu trung tâm và các khu dân cư hình thành mới *(đi kèm theo dự án)*; cấp nước chữa cháy được thiết kế sử dụng chung với đường ống cấp nước sinh hoạt, đặt các trụ cứu hỏa trên mạng đường ống phân phối ∅110.

6.5. Hệ thống thông tin liên lạc

a) Dự báo phát triển theo quy mô dân số: Dân số dự kiến đến năm 2030 là 8.663 người; mật độ điện thoại cố định (25 ÷ 30 thuê bao/100 người); tỷ lệ 100% sử dụng Internet.

b) Quy hoạch phát triển:

- Các dịch vụ thông tin hiện đại, đường dây thông tin liên lạc chạy trên vỉa hè trục chính của xã;

- Xây dựng các tuyến rãnh cáp chính theo các trục giao thông chính và các trục giao thông khu vực đến các tủ cáp; sử dụng cáp quang luồn trong ống HDPE xoắn D110 đặt trong vỉa hè, đi ngầm dưới vỉa hè đường giao thông.

6.6. Hệ thống thoát nước mưa

a) Hướng thoát nước:

Căn cứ vào địa hình, hướng thoát nước và hiện trạng các thôn, hệ thống thoát nước mưa chia làm 2 lưu vực chính:

- Lưu vực 1 thoát ra ao hồ rồi thoát về sông Bắc Hưng Hải;

- Lưu vực 2 thoát ra ao hồ, thoát về trạm bơm Bình Hàn sau đó thoát ra sông Thái Bình.

b) Giải pháp thiết kế mạng cống thoát nước:

- Hệ thống thoát nước được xây dựng chung cho cả nước mưa và nước thải đối với các khu vực dân cư nông thôn hiện trạng, thoát nước tự chảy;

- Thiết kế mạng cống thoát nước như sau:

+ Xây dựng mới, bổ sung và nâng cấp toàn bộ rãnh thoát nước ở các trục đường thôn, xóm thành các rãnh bê tông có nắp đậy;

+ Xây dựng hệ thống cống thoát trong khu dân cư mới;

+ Thiết kế hệ thống thoát nước mặt tự chảy, được bố trí dọc theo các tuyến đường trục giao thông chính, kết hợp các hố ga thu nước hàm ếch để thu nước mặt; sử dụng hệ thống cống bê tông cốt thép đường kính D600 – D800 để thoát nước.

- Nước thải tại công nghiệp được xử lý theo dự án hạ tầng kỹ thuật của các dự án.

6.7. Các giải pháp bảo vệ môi trường

- Phân loại rác thải sinh hoạt tại hộ gia đình; bố trí diện tích cây xanh cách ly giữa cụm công nghiệp, khu nghĩa trang, nghĩa địa và khu dân cư;

- Gìn giữ đất mặt có khả năng canh tác của khu vực chưa sử dụng; phủ xanh các khu vực đất trống;

- Các giải pháp công nghệ, kỹ thuật bảo vệ môi trường, xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp, nơi tập kết rác cho từng thôn và xử lý rác chung cho toàn xã;

- Xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt cho 100% dân cư;

- Chuyển các trại chăn nuôi gây ô nhiễm ra khỏi khu dân cư; khuyến khích xây dựng hầm bioga.

7. Đánh giá môi trường chiến lược

7.1. Hiện trạng môi trường

Xã Cộng Lạc được quy hoạch sản xuất công nghiệp, nông nghiệp cấy lúa và trồng rau màu là chính. Hiện trạng cấy lúa, trồng cây rau màu đang sử dụng rất nhiều các loại phân bón hóa chất và thuốc bảo vệ thực vật, hoạt động chăn nuôi sử dụng nhiều thức ăn công nghiệp là một trong những nguồn chất thải gây ô nhiễm môi trường đất và nguồn nước mặt.

Do vậy, hiện trạng môi trường nước mặt, nước ngầm; môi trường không khí, tiếng ồn; môi trường đất đang bị suy giảm và ô nhiễm.

7.2. Định hướng quy hoạch giảm thiểu tác động môi trường

Mục tiêu và định hướng quy hoạch xã Cộng Lạc đến năm 2030 là nghiên cứu các biện pháp nhằm cải thiện chất lượng môi trường, giảm thiểu mức thấp nhất các tác động môi trường.

Thực hiện các biện pháp cụ thể để loại bỏ, giảm bớt các tác động tiêu cực liên quan đến môi trường trong phạm vi quy hoạch chung.

Tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng hỗ trợ thực hiện công tác bảo tồn, quản lý chất thải, công tác bảo vệ môi trường đối với các khu dân cư; xây dựng mô hình tổ chức, quản lý, thu gom và vận chuyển rác; khuyến khích sử dụng phương tiện giao thông công cộng, các nguồn năng lượng, nhiên liệu sạch.

Lồng ghép các quy chuẩn về chất lượng môi trường, thực hiện đánh giá tác động môi trường đối với các dự án xây dựng khu dân cư mới, khu tái định cư, dự án khai thác tài nguyên thiên nhiên, xây dựng cơ sở hạ tầng trong khu vực.

Bảo vệ nguồn nước trong khu vực nghiên cứu quy hoạch gồm nước mặt sông Cầu Xe, ao hồ, kênh mương thủy lợi; quan trắc thực tế, kiểm soát, giám sát chất lượng môi trường nước trong quá trình phát triển đô thị. Hạn chế phát triển đô thị, cơ sở công nghiệp tại khu vực nhạy cảm môi trường.

Bảo vệ không gian các công trình di tích, văn hóa truyền thống với một hệ thống đền, chùa và các lễ hội truyền thống đặc sắc; trong đó có phong tục tập quán, lễ hội truyền thống.

7.3. Các giải pháp quản lý, kỹ thuật bảo vệ môi trường

a) Bảo vệ môi trường

- Quy hoạch sử dụng đất khu dân cư mới, đảm bảo khoảng không gian cách ly các khu vực nhạy cảm về môi trường;

- Thiết kế, xây dựng hệ thống cấp nước và thoát nước thải, xử lý chất thải rắn và khí thải. Rà soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường để từng bước có biện pháp xử lý;

- Phát triển không gian cảnh quan cây xanh, tạo điều kiện cải thiện môi trường nghỉ ngơi cho người dân.

b) Khai thác, sử dụng tổng hợp có hiệu quả tài nguyên nước

- Điều tra nghiên cứu khai thác nguồn nước sông, thiết kế xây dựng các công trình thủy lợi nhỏ và vừa, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước trong tương lai;

- Xử lý các nguồn nước thải gây ô nhiễm trong các hoạt động sản xuất công nghiệp và nông nghiệp. Xử lý bùn đất, rác thải tồn đọng ở các khu vực sông quan trọng, các đoạn kênh và mương máng phục vụ sản xuất nông nghiệp.

c) Các giải pháp về chính sách quản lý môi trường: Tăng cường phổ biến, tuyên truyền pháp luật, nâng cao nhận thức cho nhân dân về môi trường. Kiểm soát và hướng dẫn thực thi pháp luật về môi trường thường xuyên, có hiệu quả; xử lý sai phạm phải kịp thời và kiên quyết.

8. Các chương trình, dự án ưu tiên, giải pháp huy động nguồn lực:

Xác định các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư cho các giai đoạn để thực hiện quy hoạch, đáp ứng yêu cầu phát triển được chia thành 2 giai đoạn năm 2021- 2025 và 2025 - 2030.

(Nội dung quy hoạch và các chỉ tiêu chi tiết tại hồ sơ thuyết minh và phương án quy hoạch kèm theo).

III. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch:

Nội dung chi tiết theo Quy định quản lý đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Cộng Lạc, huyện Tứ Kỳ đến năm 2030, do Trung tâm Quy hoạch đô thị và nông thôn lập, Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện thẩm định kèm theo.

Điều 2. Giao UBND xã Cộng Lạc chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức công bố quy hoạch được duyệt, đảm bảo đúng thời gian theo quy định; thực hiện việc cắm mốc, quản lý quy hoạch theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính – Kế hoạch; Chủ tịch UBND xã Cộng Lạc; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thường trực Huyện ủy; } (để báo cáo)
- Thường trực HĐND huyện; }
- Chủ tịch, các PCT. UBND huyện;
- Lưu: VT, KTHT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Vũ Thị Hà